#### **CÔNG TY CỔ PHẦN BẢN ĐỒ VÀ TRANH ẢNH GIÁO DỤC**

####  **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2013**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của*

*Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)*

Tên công ty niêm yết: **CÔNG TY CỔ PHẦN BẢN ĐỒ VÀ TRANH ẢNH GIÁO DỤC**

Năm báo cáo: **2013**

I. THÔNG TIN CHUNG:

**1. Thông tin khái quát:**

**-** Tên giao dịch: Education Cartography And Illustration Joint Stock Company (ECICO...JSC)

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0102137109 do Sở Kế hoạch – Đầu tư TP. Hà Nội cấp ngày 15/06/2011

- Vốn điều lệ: 18.600.000.000 đồng

- Địa chỉ: Số 45 Hàng Chuối, Phường Phạm Đình Hổ, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

- Số điện thoại:04.39713947 - 04.38213786

- Số fax: 04.39728395

- Website: www.bandotranhanh.vn

- Mã cổ phiếu: **ECI**

**2. Quá trình hình thành và phát triển:**

**+ Việc thành lập:**

Công ty cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục tiền thân là Trung tâm Bản đồ giáo khoa, trực thuộc Tổng công ty Cơ sở vật chất và thiết bị - Bộ Giáo dục, được thành lập tháng 5 năm 1989 với 08 cán bộ, nhân viên, làm nhiệm vụ chủ yếu là nghiên cứu khoa học, lấy thu bù chi.

Năm 1996, Trung tâm Bản đồ giáo khoa được chuyển thành Trung tâm Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục thuộc Nhà xuất bản Giáo dục, phát triển sản xuất và cung ứng đầy đủ, đồng bộ, kịp thời bản đồ, tranh ảnh giáo khoa, atlat, tập bản đồ phục vụ giáo viên và học sinh trong cả nước.

Năm 2003 Trung tâm Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục được chuyển đổi thành Công ty Bản đồ - Tranh ảnh giáo khoa thuộc Công ty mẹ Nhà xuất bản Giáo dục.

Ngày 02 tháng 01 năm 2007, Công ty đã chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục với mức vốn điều lệ là 3.400.000.000 đồng (Ba tỷ bốn trăm triệu đồng).

Được sự chấp thuận của đại hội đồng cổ đông Công ty theo quyết định số 01/NĐ-ĐHĐCĐ-2007 ngày 28/03/2008, Công ty đã tiến hành tăng vốn từ 3.400.000.000 đồng lên 18.600.000.000 đồng nhằm đáp ứng nhu cầu vốn, mở rộng sản xuất kinh doanh.

Với 25 năm xây dựng và phát triển, Công ty đã góp phần đáng kể trong việc xây dựng ngành khoa học bản đồ giáo khoa, phục vụ sự nghiệp giáo dục. Công ty cũng đã tham mưu với Bộ Giáo dục và Đào tạo thành lập Hội đồng Bản đồ giáo khoa, gồm các nhà khoa học, chuyên gia đầu ngành về bản đồ giáo khoa để chỉ đạo chuyên môn, thẩm định hệ thống tiêu chuẩn các loại hình bản đồ giáo khoa, phương pháp lập, sử dụng bản đồ giáo khoa, đóng góp ý kiến cũng như phát hiện , đề xuất các vấn đề có liên quan đến nội dung, loại hình và phương pháp sử dụng bản đồ giáo khoa trong trường phổ thông, cung cấp bản đồ giáo khoa, tranh ảnh giáo dục cho toàn ngành giáo dục trên cả nước.

**+ Niêm yết:**

Công ty cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo quyết định số 211/QĐ-TTGDHN ngày 25/5/2009 của Giám đốc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán ECI. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 16/6/2009.

**3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:**

**+ Ngành nghề kinh doanh:**

- Biên soạn, in và phát hành bản đồ, tranh ảnh giáo dục, sách giáo dục, băng đĩa CDROM giáo dục, sách điện tử;

- Sản xuất và kinh doanh thiết bị giáo dục phục vụ việc giảng dạy, học tập cho các ngành học, bậc học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học) và phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội (trừ loại Nhà nước cấm);

 - Kinh doanh các xuất bản phẩm được phép lưu hành (trừ loại Nhà nước cấm);

- Sản xuất và kinh doanh thiết bị dạy nghề, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm, nguyên liệu, vật tư phục vụ sản xuất thiết bị giáo dục;

- Thiết kế, tạo mẫu, chế bản điện tử các sản phẩm trong lĩnh vực giáo dục (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);

 - Kinh doanh thiết bị điện tử, tin học phục vụ dạy và học trong nhà trường;

 - Kinh doanh nguyên vật liệu, thiết bị ngành in;

 - Môi giới thương mại và quảng cáo thương mại.

**+ Địa bàn kinh doanh:** Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng........

**4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:**

Công ty cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005, các Luật khác và điều lệ Công ty cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua vào ngày 03 tháng 10 năm 2008.

**SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN BẢN ĐỒ**

**VÀ TRANH ẢNH GIÁO DỤC**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

 **BAN KIỂM SOÁT**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**BAN GIÁM ĐỐC**

**TỔ CHUYÊN GIA KHOA HỌC**

**TỔ CÔNG NGHỆ BẢN**

**ĐỒ**

**PHÒNG KHOA HỌC KÝ THUẬT BẢN ĐỒ**

**PHÒNG KẾ TOÁN TÀI CHÍNH**

**PHÒNG TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH**

**PHÒNG KẾ HOẠCH KINH DOANH**

**PHÒNG TRANH ẢNH**

**GIÁO DỤC**

 ***Ghi chú:*** **:** *Quản lý, điều hành trực tiếp*

## : Giám sát hoạt động

4.1 Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

4.1.1 Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. ĐHĐCĐ quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định.

4.12 Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về ĐHĐCĐ. HĐQT có trách nhiệm giám sát Giám đốc điều hành và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Luật pháp, Điều lệ công ty, Quy chế quản trị Công ty quy định. HĐQT của Công ty có 05 thành viên. Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu.

4.1.3 Ban kiểm soát

Ban kiểm soát là cơ quan có chức năng hoạt động độc lập với HĐQT và Ban Giám đốc, Ban kiểm soát gồm có 03 thành viên, do ĐHĐCD bầu ra và thay mặt ĐHĐCĐ giám sát mọi mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, báo cáo trực tiếp ĐHĐCĐ.

* + 1. Ban Giám đốc
* *Giám đốc Công ty:*

Giám đốc Công ty là người đại diện của Công ty trong việc điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh. Giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm. Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và pháp luật về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

* *Phó Giám đốc Công ty:*

Các Phó Giám đốc Công ty giúp việc cho Giám đốc điều hành mọi hoạt động của Công ty trong các lĩnh vực theo sự phân công và uỷ quyền của Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Công ty và pháp luật về nhiệm vụ được phân công và uỷ quyền.

* *Kế toán trưởng Công ty:*

Kế toán trưởng của Công ty giúp Giám đốc Công ty chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác kế toán, tài chính của Công ty theo quy định của pháp luật

* + 1. Các phòng, ban chức năng
* **Phòng Tổ chức - Hành Chính**:

 Quản lý và điều hành công tác hành chính, văn thư lưu trữ, thi đua khen thưởng, công tác bảo hộ lao động, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, đảm bảo an ninh trật tự, quản lý tài sản và trang thiết bị tại văn phòng Công ty, bảo vệ tài sản Công ty và các công tác chế độ chính sách liên quan đến người lao động.

 Tham mưu cho Giám đốc trong công tác tuyển chọn người lao động có trình độ và sức khoẻ, nghiên cứu sắp xếp tổ chức bộ máy phù hợp với từng giai đoạn, phù hợp năng lực, thực hiện chức năng hành chính quản trị, giúp Giám đốc về việc ngoại giao, tiếp khách, đối nội và đối ngoại.

 Quản lý sử dụng con dấu Công ty đúng quy định của Công ty và nguyên tắc quản lý hành chính Nhà nước.

* **Phòng Kế hoạch - Kinh doanh.**

 Phòng được thành lập để thực hiện chức năng xây dựng và triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

 Nghiên cứu thị trường, xây dựng danh mục sản phẩm, lên kế hoạch sản xuất kinh doanh.

 Khai thác thị trường sản phẩm.

 Xây dựng và thực hiện chiến lược Marketing

 Thực hiện công việc về kế hoạch kho vận, phát hành.

* **Phòng Kế toán -Tài chính:**

 Phòng tài chính kế toán là phòng trực tiếp tham mưu cho Giám đốc tổ chức quản lý, điều hành nguồn lực tài chính đúng pháp luật mang lại hiệu quả cao không ngừng bảo toàn và phát triển nguồn vốn của Công ty

 Tổ chức quản lý kế toán thống nhất, phản ánh kịp thời, chính xác tình hình sản xuất - kinh doanh - dịch vụ của từng bộ phận trong toàn Công ty cho Giám đốc.

 Quản lý, lưu trữ sổ sách, chứng từ kế toán chặt chẽ, khoa học đúng nguyên tắc bảo mật do Nhà nước quy định.

 Phân tích, cân đối các nguồn lực (nguồn nhân lực, nguồn tài chính và các nguồn lực khác) của Công ty để xây dựng và tổng hợp, hoạch định kế hoạch tổng thể và chi tiết phát triển SX-KD hàng năm, tham mưu cho Giám đốc phê duyệt.

 Soạn thảo, xây dựng , đôn đốc thực hiện, giao các chỉ tiêu kế hoạch và báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch theo định kỳ hàng tháng, quý, năm cho Giám đốc và các cơ quan chức năng theo sự chỉ đạo của Giám đốc.

 Thực hiện thanh toán theo các chính sách về lao động tiền lương, các chế độ chính sách liên quan đến người lao động.

* **Tổ chuyên gia khoa học:**

 Giúp Công ty trong công tác nghiên cứu, xây dựng hệ thống lý luận và cơ sở khoa học, phát triển hệ thống bản đồ, tranh ảnh giáo khoa.

 Thực hiện nhiệm vụ bồi dưỡng chuyên môn, đào tạo cho các biên tập viên.

* **Phòng Khoa học – Kỹ thuật bản đồ**

 Xây dựng hệ thống lý luận và cơ sở khoa học về bản đồ giáo khoa; xây dựng hệ thống bản đồ giáo khoa cho nhà trường, tiêu chuẩn trang bị bản đồ giáo khoa, nghiên cứu, xây dựng và thiết kế mẫu bản đồ giáo khoa theo chương trình, kế hoạch phát triển của ngành giáo dục. Đội ngũ cán bộ của phòng là các cán bộ đi đầu trong công tác nghiên cứu, thiết kế và biên soạn bản đồ giáo khoa

* **Tổ Công nghệ bản đồ**

Nghiên cứu công nghệ thông tin vào công tác biên tập bản đồ, tranh ảnh giáo khoa, như ứng dụng các phần mềm đồ họa Mapinfor, Illustrator, Coreldraw, photoshop,…. Với hệ thống máy móc, thiết bị kỹ thuật cao, được trang bị như các máy tính Macintosh, PC cấu hình cao, máy quét ảnh, máy in phun khổ lớn, máy chiếu đa phương tiện…

 Tổ Công nghệ đã ứng dụng phần mềm Best color proof vào công tác chế bản (phần mềm giả lập màu in offset) để nâng cao chất lượng sản phẩm.

* **Phòng Tranh ảnh giáo dục**

 Xây dựng hệ thống lí luận và cơ sở khoa học về tranh ảnh giáo khoa, nghiên cứu, xây dựng thiết kế mẫu tranh ảnh giáo khoa theo chương trình Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành.

 Thực hiện kế hoạch liên kết xuất bản, tổ chức bản thảo của Công ty theo các quy định, quy trình xuất bản sách của Nhà xuất bản Giáo dục.

 Tham mưu, đề xuất việc xây dựng và thực hiện các quy trình, quy định, chế độ về công tác biên tập, tác giả và cộng tác viên.

**\*Các công ty con, công ty liên kết: không có công ty con, công ty liên kết.**

**5. Định hướng phát triển**

**+ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty**

Công ty cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục đã có những định hướng phát triển nhằm đáp ứng nhu cầu trên. Cụ thể:

**\* Về sản phẩm:**Khai thác bản thảo theo kế hoạch truyền thống của Công ty: bản đồ giáo khoa, tranh ảnh giáo dục, atlát địa lý, tập bản đồ bài tập, sách giáo dục, băng đĩa CDROM giáo dục...

- Nghiên cứu, xây dựng các sản phẩm phục vụ chương trình đổi mới giáo dục sau 2015.

**\* Về hoạt động Marketing**:

Tổ chức đi tiếp thị, đám phán ký kết hợp động phát hành phục vụ năm học mới đến đơn vị cơ sở, chú trọng các sản phẩm mới bổ sung và các sản phẩm dùng cho giáo viên và học sinh theo danh mục tối tiểu của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Mở rộng quan hệ hợp tác, liên doanh, liên kết với các đơn vị trong và ngoài hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục để sản xuất kinh doanh các ấn phẩm và thiết bị giáo dục từ mầm non đến trung học phổ thông.

**\* Về thị trường:**

Củng cố vững chắc thị trường đã có. Mặt khác, trên cơ sở đó, Công ty sẽ thường xuyên quan tâm đến việc tìm kiếm và mở rộng thị trường mới .

**\* Kế hoạch nhân sự và công tác bồi dưỡng:**

Công ty tăng cường xây dựng và mở rộng đội ngũ tác giả và cộng tác viên có chuyên môn và uy tín.

Nhìn chung, định hướng phát triển của Công ty cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục là hoàn toàn phù hợp với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới.

**+ Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

 - Tích cực triển khai, khai thác các đề tài mới của các mảng sản phẩm truyền thống của Công ty.

 - Tiếp tục nghiên cứu các nhu cầu mới của ngành giáo dục phục vụ chương trình thay sách giáo khoa sau 2015.

 **- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:**

Tiếp tục thực hiện công tác xã hội từ thiện đối với cộng đồng: xây nhà tình nghĩa, ủng hộ quỹ em không phải bỏ học do Phó Chủ tịch nước phát động, ủng hộ đồng bào bị thiên tai, lũ lụt...

**6. Các rủi ro**: *(*Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty).

 Năm 2014, thực hiện đổi mới trong kỳ thi tốt nghiệp THPT, 2 môn bắt buộc, 2 môn tự chọn, số lượng học sinh phổ thông lựa chọn thi tốt nghiệp môn Lịch sử và Địa lý thấp nên số lượng sản phẩm phát hành sụt giảm nghiêm trọng.

 Mặt hàng kinh doanh chủ yếu của Công ty là bản đồ, bản đồ giáo khoa, tranh ảnh giáo dục, là những mặt hàng có ít có sự cạnh tranh do số lượng đơn vị sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực này còn hạn chế. Tuy nhiên, với điều kiện thuê ngoài in ấn như hiện nay, Công ty chưa thể tối đa hóa lợi nhuận.

Với mặt hàng sách tham khảo, kết quả kinh doanh của sản phẩm phụ thuộc rất nhiều vào nghiên cứu nhu cầu thị trường của Công ty. Tình trạng in lậu trái phép, xuất bản tràn lan những sách tham khảo có nội dung gắn với sách giáo khoa của một số nhà xuất bản (NXB) và một số công ty tư nhân là một khó khăn gây ảnh hưởng lớn đến tình hình phát hành của Công ty.

Với mặt hàng thiết bị giáo dục, đây là mặt hàng có doanh thu lớn, sau mặt hàng bản đồ, bản đồ giáo khoa, tranh ảnh giáo dục, đòi hỏi Công ty cần cập nhật thường xuyên các yêu cầu kỹ thuật do tính đa dạng của sản phẩm. Đây là mặt hàng đặc thù do đó đối tượng khách hàng của Công ty chủ yếu là các đơn vị thuộc ngành giáo dục nên có phần hạn chế về mặt số lượng.

Những biến động về chi phí vật tư, nguyên vật liệu và giá thiết bị giáo dục (chi phí đầu vào), yêu cầu về tiêu chuẩn chất lượng, thương hiệu, mẫu mã sản phẩm ngày càng cao, đòi hỏi Công ty phải có một bộ máy quản lý giỏi, tâm huyết, có kinh nghiệm thực tế mới có thể đứng vững và phát triển trong môi trường cạnh tranh ngày càng tăng. Đây là một trong những rủi ro và thách thức lớn nhất đối với Công ty hiện tại và trong tương lai.

Bên cạnh đó, là một Công ty nằm dưới sự quản lý và điều tiết của Nhà xuất bản Giáo dục, hoạt động của Công ty chịu sự ảnh hưởng rất lớn trong biến động về chính sách của Nhà xuất bản Giáo dục.

 + Rủi ro khác:

Các rủi ro khác như thiên tai, lũ lụt, địch họa v.v...là những rủi ro bất khả kháng và khó dự đoán, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2013:

**1. Đặc điểm tình hình:**

**\* Khó khăn:**

- Tình hình kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nền kinh tế suy thoái: Giá cả vật tư, nguyên liệu đầu vào, chi phí vận chuyển tăng cao, nguồn vốn hạn hẹp, khó tiếp cận, , ảnh hưởng đến doanh thu, lợi nhuận cho doanh nghiệp trong triển khai kế hoạch sản xuất – kinh doanh.

- Áp lực cạnh tranh trên thị trường ngày càng lớn; sức mua của xã hội giảm sút.

- Nạn in lậu, làm giả sản phẩm tiếp tục gia tăng.

**\* Thuận lợi:**

- Năm 2013, Công ty cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục tiếp tục nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sâu sát của lãnh đạo Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam;

- Cán bộ trong công ty đã phát huy tính tự chủ, năng động, thích nghi với cơ chế thị trường, tiếp tục mở rộng thị trường, đa dạng hóa sản phẩm.

 **2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:** dưới đây là tình tình hoạt động từng mặt cụ thể của Công ty trong năm 2013:

**A. Công tác Biên tập - Xuất bản:**

*Đơn vị tính: bản*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mảng sản phẩm** | **Kế hoạch****2013** | **Thực hiện****2013** | **Hoàn thành KH %** |
| 1. STK theo lớp- Mới- Tái bản | **28**325 | **28**325 | **100**100100 |
| 2. STK theo cấp- Mới- Tái bản | **4**4 | **3**3 | **75**75 |
| 3. Sản phẩm nghe nhìn- Mới- Tái bản | **3**3 | **3**3 | **100**100 |
| 4. Bản đồ- Mới- Tái bản | **123**123 | **98**98 | **80**80 |
| 5. Tranh ảnh giáo khoa- Mới- Tái bản | **106**3103 | **70**367 | **66**10065 |
| **Tổng cộng** | **264** | **202** | **76,5** |

 Trong năm 2013, Công ty đã biên tập xuất bản được 202 đầu bản đồ, atlát, tranh ảnh giáo dục, sách tham khảo .... đạt 76,5% kế hoạch năm.

 **B. Công tác In - Nhập kho:**

 **Kết quả in - nhập kho**

*Đơn vị tính: bản*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mảng sản phẩm** | **Kế hoạch****2013** | **Thực hiện****2013** | **Hoàn thành** **KH %** |
| 1. Bản đồ GK, Atlát, Tập bản đồ | 3.100.000 | 3.279.164 | 106 |
| 2. Tranh ảnh giáo dục, sách tranh, STK | 45.000 | 123.000 | 273 |
| **Tổng cộng** | **3.145.000** | **3.402.164** | **108** |

 Trong năm 2013, Công ty đã In - Nhập kho được 3.402.164 sản phẩm bản đồ, atlát, tranh ảnh giáo dục, sách tham khảo ... đạt 108 % kế hoạch năm.

**C. Công tác Kế hoạch và Phát hành:**

 **Kết quả phát hành theo mảng sản phẩm**

*Đơn vị tính: bản*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mảng sản phẩm** | **Kế hoạch****2013** | **Thực hiện****2013** | **Hoàn thành** **KH %** |
| 1. Bản đồ GK, Atlát, Tập bản đồ | 2.904.333 | 3.180.705 | 109 |
| 2. Tranh ảnh giáo dục, sách tranh, STK | 98.104 | 139.420 | 142 |
| 3. Thiết bị giáo dục | 441.000 | 511.591 | 116 |
| **Tổng cộng** | **3.443.437** | **3.831.716** | **111** |

Trong năm 2013, Công ty đã phát hành được 3.831.716 sản phẩm bản đồ, atlát, tranh ảnh giáo dục, sách tham khảo... đạt 111 % kế hoạch năm.

 **Kết quả doanh thu theo mảng sản phẩm**

*Đơn vị tính: 1.000 đồng*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mảng sản phẩm** | **Kế hoạch****2013** | **Thực hiện****2013** | **Hoàn thành** **KH %** |
| 1. Bản đồ GK, Atlát, Tập bản đồ, Tranh ảnh, STK | 33.314.598 | 50.549.921 | 152 |
| 2. Thiết bị giáo dục | 17.685.402 | 28.258.352 | 160 |
| **Tổng cộng** | **51.000.000** | **78.808.273** | **154** |

Trong năm 2013, Công ty đã đạt được doanh thu thuần về bán hàng là 78.808.273 nghìn đồng... đạt 154 % kế hoạch năm có được kết quả này là sự nỗ lực của toàn thể cán bộ, công nhân viên Công ty.

**D. Một số chỉ tiêu tài chính cụ thể:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Chỉ tiêu** | **Mã** | **Thuyết** | **Năm 2013** | **Năm 2012** |
|  | **số** | **minh** | **VND** | **VND** |
| 1 |  Doanh thu thuần bán hàng và CC dịch vụ  | 10 | 18 | 78.895.863.287 | 75.486.655.736 |
| 2 |  Giá vốn hàng bán  | 11 | 19 | 57.854.176.981 | 57.370.495.012 |
| 3 |  Lợi nhuận gộp bán hàng và CC dịch vụ  | 20 |  | 21.041.686.306 | 18.116.160.724 |
| 4 |  Doanh thu hoạt động tài chính  | 21 | 20 | 421.515.098 | 312.245.243 |
| 5 |  Chi phí hoạt động tài chính  | 22 |  | - | 21.000.000 |
| 6 |  Chi phí bán hàng  | 24 |  | 6.952.031.422 | 6.762.506.937 |
| 7 |  Chi phí quản lý doanh nghiệp  | 25 |  | 7.376.241.354 | 5.568.447.341 |
| **8** |  **Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh**  | **30** |  | **7.134.938.628** | **6.076.451.689** |
| 9 |  Thu nhập khác  | 31 | 21 | 60.417.551 | 94.111.125 |
| 10 |  Chi phí khác  | 32 | 22 | 66.133.378 | 150.429.366 |
| **11** |  **Lợi nhuận khác**  | **40** |  | **(5.715.827)** | **(56.318.241)** |
| **12** |  **Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**  | **50** | **23** | **7.129.222.801** | **6.020.133.448** |
| 13 |  Chi phí thuế TNDN hiện hành  | 51 | 23 | 971.981.899 | 768.417.151 |
| 14 |  Chi phí thuế TNDN hoãn lại  | 52 | 23 | **-** | **-** |
| **15** |  **Lợi nhuận sau thuế TNDN**  | **60** | **23** | **6.157.240.902** | **5.251.716.297** |
| 16 |  Lãi cơ bản trên cổ phiếu  | 70 | 24 | 3.498 | 2.984 |

# 2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch (tình hình tài chính và lợi nhuận so với kế hoạch)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Diễn giải** | **Thực hiện năm 2013** | **KH thông qua Đại hội đồng cổ đông** | **Tỷ lệ %** |
| 1 | Tổng doanh thu | 79.377.795.936 | 51.000.000.000 | 155,64 % |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế | 7.129.222.801 | 5.000.000.000 | 142,58 % |
| 3 | Cổ tức | 14% | 14% | 100% |

 - Trong năm Công ty đã vượt chỉ tiêu kế hoạch doanh thu và lợi nhuận do Đại hội đồng cổ đông đề ra.

**3. Những thay đổi chủ yếu trong năm (những khoản đầu tư lớn, thay đổi chiến lược kinh doanh, sản phẩm và thị trường mới…):**

Trong năm 2013, Công ty luôn nỗ lực tìm kiếm thị trường phát hành mới; thông qua các Công ty Sách - TBTH và đại lý đưa sản phẩm bản đồ, tranh ảnh, thiết bị giáo dục tới học sinh trong cả nước. Công ty đã tìm kiếm đối tác liên doanh sản xuất thiết bị giáo dục tiểu học, THCS, THPT và đã khẳng định được thương hiệu là đơn vị cung ứng thiết bị giáo dục trên thị trường.

# 4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai (thị trường dự tính, mục tiêu…)

 Công ty chuẩn bị nhân lực tiến hành nghiên cứu bản đồ, tranh ảnh giáo khoa thí điểm tiến tới đại trà phục vụ đổi mới chương trình giáo dục phổ thông sau năm 2015.

 **5. Kế hoạch một số chỉ tiêu tài chính cụ thể năm 2014:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chỉ tiêu** | **ĐVT**  | **Kế hoạch** |
| 1 | Tổng doanh thu | triệu đồng | 51.000 |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế | “ | 5.000 |
| 3 | Cổ tức | % | 14% |

**III. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ:**

* 1. **Danh sách Ban điều hành:**

**1. Bà Nguyễn Thị Hồng Loan - Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc điều hành:**

 Ngày sinh 15/8/1964 – Nơi sinh: Hà Nội

 Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kỹ thuật bản đồ

 Quá trình công tác:

 Từ 9/1988-12/1996: Biên tập viên Phòng KH-KT thuộc Trung tâm Bản đồ giáo khoa;

 Từ 1/1997-12/1997: Phó trưởng Phòng KH-KT Trung tâm Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục;

 Từ 1/1998-2/2003: Phó Giám đốc Trung tâm Bản đồ sau chuyển thành Công ty Bản đồ - Tranh ảnh giáo khoa;

 Từ 3/2003-5/2003: Phó Giám đốc phụ trách Công ty Bản đồ - Tranh ảnh giáo khoa;

 Từ T6/2003-1/2004: Quyền Giám đốc Công ty Bản đồ - Tranh ảnh giáo khoa;

 Từ 2/2004-12/2006: Giám đốc Công ty Bản đồ - Tranh ảnh giáo khoa;

 Từ 1/2007 - nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục;

 **2. Ông Lê Phú - Uỷ viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc:**

 Ngày sinh 25/2/1957 - Nơi sinh: Hà Nội

 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư

 Quá trình công tác:

 Từ 10/1987-6/1989: Nhân viên Trung tâm Bản đồ giáo khoa – Khoa Địa lý - Đại học Sư phạm Hà Nội.

 Từ 07/1989-4/1995: Biên tập viên Phòng KH-KT Trung tâm Bản đồ giáo khoa thuộc Tổng công ty cơ sở vật chất và thiết bị trường học - Bộ Giáo dục;

 Từ T5/1995-10/1996: Phó trưởng Phòng KH-KT Trung tâm Bản đồ giáo khoa sau chuyển thành Trung tâm Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục;

 Tháng 11/1996-5/2003: Trưởng phòng KH-KT Trung tâm Bản đồ giáo khoa sau chuyển thành Công ty Bản đồ - Tranh ảnh giáo khoa;

 Tháng 6/2003-12/2006: Phó Giám đốc Công ty Bản đồ - Tranh ảnh giáo khoa;

 Từ 1/2007 – nay: Uỷ viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục.

 **3. Ông Lê Huy – Phó Giám đốc Công ty**

 Ngày sinh 14/12/1974 – Nơi sinh: Nho Quan, Ninh Bình

 Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

 Quá trình công tác:

 Từ tháng 10/1995 – tháng 6/2008: Nhân viên Trung tâm Bản đồ giáo khoa thuộc Tổng công ty cơ sở vật chất và Thiết bị trường học – Bộ Giáo dục và Đào tạo sau chuyển thành Công ty cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục.

 Từ tháng 7/2008 – tháng 3/2012: Trưởng phòng Kế hoạch – Kinh doanh Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục – Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

 Từ tháng 4/2012 – đến nay: Phó Giám đốc kiêm Trưởng phòng Kế hoạch – Kinh doanh Công ty cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục.

 **4. Bà Đặng Thị Như - Uỷ viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng:**

 Ngày sinh 13/8/1977 – Nơi sinh: Hà Nội

 Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

 Quá trình công tác:

 Từ 10/1999-11/2008: kế toán viên Trung tâm Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục sau chuyển thành Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục;

 - Từ 1/12/2008-31/12/2008: Phó trưởng phòng KT-TC Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục;

 - Từ 1/1/2009 – 7/2/2010: Phụ trách Kế toán Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục;

 - Từ 8/2/2010 – nay: Kế toán trưởng Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục;

 \* **Những thay đổi trong ban điều hành:** Năm 2013, Công ty cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục không có thay đổi trong ban lãnh đạo.

**\* Số lượng cán bộ, nhân viên.** Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 50 người. Trong đó, nhân viên gián tiếp là 8 người.

**IV. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN LỚN**

# Các khoản đầu tư lớn: Năm 2013 Công ty không có khoản đầu tư lớn nào.

1. Các công ty con, công ty liên kết: không có công ty con, công ty liên kết

**V. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

1. **Tình hình tài chính**

*Đơn vị tính: 1.000 đồng*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **Năm 2013** | **Năm 2012** | **% tăng giảm** |
| **\* *Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:*****Tổng giá trị tài sản****Doanh thu thuần****Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh****Lợi nhuận khác** **Lợi nhuận trước thuế****Lợi nhuận sau thuế****Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức** | 38.375.70278.895.8637.134.938(5.715)7.129.2236.157.24140,02% | 36.696.66475.486.6556.076.451(56.318)6.020.1335.251.71643,57% | 104,6%104,5%117,42%118,43%117,24% |

1. **Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Các chỉ tiêu** | **Năm 2013** | **Năm 2012** | **Ghi chú** |
| 1. ***Chỉ tiêu về khả năng thanh toán***
* **Hệ số thanh toán ngắn hạn:**

**TSLĐ/Nợ ngắn hạn*** **Hệ số thanh toán nhanh:**

**TSLĐ - Hàng tồn kho****Nợ ngắn hạn** | 3,83,0 | 3,32,4 |  |
| 1. ***Chỉ tiêu về cơ cấu vốn***
* **Hệ số Nợ/Tổng tài sản**
* **Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu**
 | 0,250,34 | 0,300,43 |  |
| 1. ***Chỉ tiêu về năng lực hoạt động***
* **Vòng quay hàng tồn kho:**

**Giá vốn hàng bán** **Hàng tồn kho bình quân*** **Doanh thu thuần/Tổng tài sản**
 | 7,182,05 | 4,762,06 |  |
| 1. ***Chỉ tiêu về khả năng sinh lời***
* **Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần**
* **Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu**
* **Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản**
* **Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần**
 | 0,0780,210,160,09 | 0,0690,200,40,080 |  |

**VI. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

1. **Cổ phần:**

****

1. **Cơ cấu cổ đông:** tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 22/10/2013

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cơ cấu cổ đông** | **Số cổ phần nắm giữ** | **Tỷ lệ** |
| **1.Trong nước:** | **1.163.200** | 62,5% |
| + Cá nhân: | 646.226 |  |
| + Tổ chức: | 516.974 |  |
| * Nhà nước:
 | 390.700 |  |
| * Tổ chức khác:
 | 126.274 |  |
| **2. Nước ngoài:** | **696.800** | 37,46% |
| + Cá nhân: | 210.300 |  |
| + Tổ chức: | 486.500 |  |

1. **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** không thay đổi
2. **Giao dịch cổ phiếu quỹ:** không giao dịch**.**
3. **Các chứng khoán khác:** không nắm giữ chứng khoán của các tổ chức khác

VII. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC:

Trong năm 2013, căn cứ chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 23/4/2013 thông qua, Ban Giám đốc đã tiến hành triển khai thực hiện mục tiêu phương hướng hoạt động đã định. Mặc dù tình hình kinh tế trong năm còn nhiều khó khăn do giá cả đầu vào tăng liên tục, kinh tế suy thoái, nhưng cùng với sự nỗ lực của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và toàn thể CBCNV trong năm qua hoạt động sản xuất của Công ty cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục đã đạt những thành tựu đáng mừng, cụ thể:

**1. Báo cáo tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2013:**

 **- Cơ cấu tài sản:**

 Tài sản dài hạn/tổng số tài sản: 4,02%

 Tài sản ngắn hạn/tổng số tài sản: 95,98%

 **- Cơ cấu nguồn vốn:**

 Nợ phải trả/tổng nguồn vốn: 25,21%

 Nguồn vốn chủ sở hữu/tổng nguồn vốn: 74,79%

**- Khả năng sinh lời:**

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản: 16,04%

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần: 7,8%

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu: 21,45%

**- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2013:**

Tổng tài sản: 38,3 tỷ

 + Tài sản ngắn hạn: 36,8 tỷ

 + Tài sản dài hạn: 1,5 tỷ

 + Nợ phải trả: 9,6 tỷ

 + Vốn chủ sở hữu: 28,7 tỷ

- Tổng số trái phiếu thường lưu hành đến 31/12/2013: 0 trái phiếu

- Tổng số cổ phiếu phổ thông lưu hành đến 31/12/2013: 1.760.000 cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu quỹ: 100.000 cổ phiếu

- Cổ tức trả lần 1: 7% (tương đương 700 đồng/cổ phiếu)

- Cổ tức trả lần 2: 7% (tương đương 700 đồng/cổ phiếu) dự kiến trả vào tháng 4/2014.

- Thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS): 3.498

**2. Những chỉ số về kết quả sản xuất kinh doanh:**

**2.1. Tài sản và vốn chủ sở hữu**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **2011** | **2012** | **2013** |
| Tổng tài sản | 33.205.184.460 | 36.696.664.136 | 38.375.702.696 |
| Vốn chủ sở hữu | 23.430.148.350 | 25.583.253.023 | 28.700.225.316 |

 So sánh giá trị tài sản Công ty năm 2013 với năm 2011 sẽ thấy mức tăng là 1,15 lần điều này chứng tỏ quy mô của Công ty ngày càng mở rộng. Sự gia tăng tài sản của Công ty trong năm 2013 so với năm 2012 chủ yếu là do sự gia tăng của tiền và các khoản tương đương tiền.

**2.2. Doanh thu và lợi nhuận:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **2011** | **2012** | **2013** |
| Doanh thu | 56.040.447.151 | 75.486.655.736 | 78.895.863.287 |
| Lợi nhuận sau thuế | 3.881.627.880 | 5.251.716.297 | 6.157.240.902 |

 Mức tăng doanh thu năm 2013 so với năm 2011 là 40,8% là nỗ lực đáng kể của Ban lãnh đạo cùng tập thể CBCNV Công ty nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

**2.3.Nhóm chỉ tiêu về cơ cấu tài chính:**

2.3.1. Hệ số nợ so với tài sản:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **2011** | **2012** | **2013** |
| Hệ số nợ/Tổng tài sản | 29,4% | 30,97% | 25,2% |

 Mức tăng hệ số nợ qua các năm không đáng kể.

2.3.2.Hệ số nợ so với vốn chủ sở hữu.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **2011** | **2012** | **2013** |
| Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu | 41,72% | 44,87% | 33,71% |

 Hệ số nợ so với vốn chủ sở hữu của Công ty cũng luôn đảm bảo được tỷ lệ hợp lý theo từng giai đoạn cụ thể.

**2.4. Nhóm chỉ tiêu về khả năng sinh lời:**

2.4.1. Hệ số lợi nhuận ròng.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **2011** | **2012** | **2013** |
| Hệ số LN ròng/doanh thu thuần | 6,93% | 6,95% | 7,8% |

2.4.2. Tỷ suất sinh lời của tài sản (ROA):

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **2011** | **2012** | **2013** |
| ROA | 11,69% | 14,31% | 16,04% |

 Tỷ suất sinh lời ROA luôn được đảm bảo trong tình hình chi phí giá đầu vào nguyên vật liệu thay đổi liên tục: năm sau cao hơn năm trước; Công ty vẫn duy trì ROA ở mức cho phép là nỗ lực lớn của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và toàn thể CBCNV.

**2.5. Nhóm chỉ tiêu về chỉ số cổ phiếu (EPS):**

 EPS cho biết nhà đầu tư được hưởng lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu họ đang nắm giữ hàng năm là bao nhiêu. Chỉ số này càng cao thì càng được đánh giá tốt vì khi đó khoản thu nhập trên mỗi cổ phiếu sẽ cao hơn.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **2011** | **2012** | **2013** |
| EPS | 2.097 | 2.984 | 3.498 |

**3. Một số giải pháp chủ yếu thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2014:**

1. Tập trung biên soạn tái bản các sản phẩm vốn là thế mạnh của Công ty, có nhu cầu thị trường cần thiết, ít cạnh tranh: Tranh ảnh giáo khoa cấp tiểu học theo hướng kết hợp dạy và thực hành; Atlat, Tập bản đồ Lịch sử và Địa lí.

2. Kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc triển khai thực hiện các kế hoạch, đảm bảo đúng tiến độ đề ra, trong đó đặc biệt quan tâm kế hoạch biên tập, xuất bản - in để kịp thời cho kế hoạch phát hành đúng thời vụ.

3. Phát triển mối quan hệ hợp tác với các cơ quan Vụ, Viện của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các Sở GD - ĐT, Công ty Sách và TBTH địa phương để tìm kiếm đề tài và phát hành sản phẩm.

4. Mở rộng quan hệ hợp tác, liên doanh, liên kết với các đơn vị trong và ngoài Nhà xuất bản Giáo dục để sản xuất kinh doanh các ấn phẩm và thiết bị giáo dục từ mầm non đến trung học phổ thông phục vụ năm học 2014 - 2015.

5. Chuẩn bị đầy đủ nhân và lực thiết kế, biên tập bản đồ, tranh ảnh giáo dục phục vụ Đề án “Đổi mới chương trình và sách giáo khoa giáo dục phổ thông sau năm 2015”.

**4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.**

Công ty cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục là một trong những đơn vị hàng đầu cung cấp bản đồ, tranh ảnh giáo khoa cho khắp các tỉnh, thành phố. Công ty luôn là đơn vị được Bộ Giáo dục và Đào tạo tín nhiệm giao nhiệm vụ nghiên cứu, thiết kế, xây dựng và cung cấp mẫu bản đồ - tranh ảnh phục vụ chương trình thay sách.Các sản phẩm bản đồ và tranh ảnh giáo dục của Công ty đã được đông đảo học sinh và giáo viên cả nước tin dùng. Công ty đang chuẩn bị nguồn và lực cho chương trình thay sách sau năm 2015.

VIII. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

HiÖn C«ng ty cã 02 thµnh viªn H§QT ®ång thêi lµ thµnh viªn Ban Gi¸m ®èc, v× vËy viÖc cung cÊp th«ng tin, b¸o c¸o cho c¸c thµnh viªn H§QT kh«ng trùc tiÕp ®iÒu hµnh ®­îc thùc hiÖn th­êng xuyªn vµ ®Çy ®ñ, phôc vô kÞp thêi cho c«ng viÖc chØ ®¹o, gi¸m s¸t cña H§QT ®èi víi Ban Gi¸m ®èc. Ngoµi c¸c phiªn häp, H§QT th­êng xuyªn trao ®æi ®Ó xö lý kÞp thêi vµ hiÖu qu¶ c¸c vÊn ®Ò ph¸t sinh.

 Ban Gi¸m ®èc ®· thùc hiÖn tèt c¸c NghÞ quyÕt cña §¹i héi ®ång cæ ®«ng vµ H§QT cã nh÷ng quyÕt s¸ch linh ho¹t ®Ó n©ng cao hiÖu qu¶ ho¹t ®éng s¶n xuÊt kinh doanh cña C«ng ty, cô thÓ nh­ sau:

 - MÆc dï n¨m 2013 lµ n¨m ®Çy khã kh¨n, th¸ch thøc: gi¸ c¶, l¹m ph¸t t¨ng cao, ng©n s¸ch gi¸o dôc giµnh cho mét sè dù ¸n bÞ c¾t gi¶m, kinh tế suy thoái. T×nh h×nh c¹nh tranh gi÷a c¸c ®¬n vÞ cung øng thiÕt bÞ gi¸o dôc ngµy cµng gay g¾t. N¹n in lËu kh«ng cã ph­¬ng ¸n kh¾c phôc nh­ng sè l­îng ph¸t hµnh c¸c s¶n phÈm truyÒn thèng nh­ atl¸t, thiÕt bÞ gi¸o dôc gi÷ v÷ng æn ®Þnh, m¶ng tËp b¶n ®å cã gi¶m sót so víi kÕ h¹ch ®Ò ra.

 - C«ng t¸c tuyªn truyÒn, qu¶ng c¸o, tiÕp thÞ ®­îc ®Èy m¹nh qua nhiÒu h×nh thøc hç trî thiÕt thùc cho viÖc ph¸t hµnh s¶n phÈm: X©y dùng danh môc s¶n phÈm phôc vô n¨m häc 2013-2014 göi c¸c Së GD-§T; c¸c C«ng ty STBTH trªn c¶ n­íc; tÝch cùc ph¸t triÓn thÞ tr­êng cò vµ tiÕp cËn më réng thÞ tr­êng tiªu thô s¶n phÈm míi.

 - Liªn danh víi C«ng ty CP STBTH TP.HCM tham gia cung øng thiÕt bÞ gi¸o dôc THCS, THPT (xÊp xØ 5,4 tû) phôc vô nhu cÇu mua s¾m bæ sung cña c¸c tØnh, thµnh phè tõ Qu¶ng TrÞ trë ra kh¼ng ®Þnh ®©y lµ h­íng ®i ®óng ®¾n. Sù hîp t¸c ch¾c ch¾n cña hai ®¬n vÞ phï hîp víi chiÕn l­îc ph¸t triÓn chung cña NXBGDVN.

- Trong n¨m 2013, C«ng ty ®· tham gia ®Êu thÇu vµ tróng thÇu các gói thầu ở các tỉnh: Thái Bình, Quảng Bình...

 - Liªn danh víi ®¬n vÞ cung cÊp thiÕt bÞ gi¸o dôc tiÓu häc cã uy tÝn, cung øng TBGD tiÓu häc cho c¸c tØnh, thµnh phè phÝa B¾c vµ mét sè tØnh miÒn Trung. Sè l­îng ph¸t hµnh æn ®Þnh vµ cã t¨ng tr­ëng, C«ng ty ®· kh¼ng ®Þnh ®­îc th­¬ng hiÖu trªn thÞ tr­êng TBGD vèn c¹nh tranh khèc liÖt.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Ban Gi¸m ®èc ®· thùc hiÖn tèt c¸c NghÞ quyÕt cña Hội đồng quản trị vµ cã nh÷ng quyÕt s¸ch linh ho¹t ®Ó n©ng cao hiÖu qu¶ ho¹t ®éng s¶n xuÊt kinh doanh cña C«ng ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Tæ chøc thµnh c«ng §¹i héi ®ång cæ ®«ng th­êng niªn n¨m 2014, ®Ò xuÊt tr×nh §¹i héi c¸c vÊn ®Ò thuéc thÈm quyÒn quyÕt ®Þnh cña §¹i héi ®ång cæ ®«ng.

 - Tæ chøc c¸c phiªn häp th­êng kú 1 quý 1 lÇn ®Ó th¶o luËn, th«ng qua c¸c b¸o c¸o, kÕ ho¹ch, chØ ®¹o kÞp thêi vµ hiÖu qu¶ viÖc triÓn khai c¸c nghÞ quyÕt cña §¹i héi ®ång cæ ®«ng.

 - ChØ ®¹o Ban Gi¸m ®èc ®Çu t­ khai th¸c b¶n th¶o cho m¶ng s¶n phÈm truyÒn thèng; x©y dùng hÖ thèng ®Ò tµi phï hîp víi môc tiªu, mang tÝnh chiÕn l­îc vµ cã gi¸ trÞ cao, ®Ó n©ng tÝnh th­¬ng hiÖu, tiÕp cËn víi sù ph¸t triÓn cña thêi ®¹i.

 - ChØ ®¹o Ban Gi¸m ®èc liªn doanh liªn kÕt víi c¸c C«ng ty s¶n xuÊt TBGD cã uy tÝn tiÕn tíi trë thµnh mét doanh nghiÖp cung øng ®­îc nhiÒu chñng lo¹i s¶n phÈm.

 - QuyÕt t©m chØ ®¹o, ®iÒu hµnh C«ng ty hoµn thµnh c¸c chØ tiªu kÕ ho¹ch do §¹i héi ®ång cæ ®«ng th«ng qua vµ Tæng Gi¸m ®èc NXBGDVN giao. Trªn c¬ së chñ tr­¬ng, nghÞ quyÕt H§QT tÝch cùc triÓn khai thùc hiÖn kÕ ho¹ch s¶n xuÊt kinh doanh ®Ó ®¹t c¸c chØ tiªu cô thÓ:

 + Tæng doanh thu: 51 tû ®ång

 + Lîi nhuËn tr­íc thuÕ: 5 tû ®ång

 + Chi tr¶ cæ tøc n¨m 2014: 14%

IX. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị
2. **Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ và tên** | **Chức vụ** | **Số cổ phần sở hữu** | **Ghi chú** |
| 1 | Nguyễn Thị Hồng Loan | Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc | 4.000 |  |
| 2 | Trần Ngọc Bê | Phó chủ tịch HĐQT | 71.400 | T/v độc lập không điều hành |
| 3 | Lê Phú | Uỷ viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc | 6.100 |  |
| 4 | Phan Trung Phương | Uỷ viên HĐQT  | 0 | T/v độc lập không điều hành |
| 5 | Đặng Thị Như | Uỷ viên HĐQT kiêm KTT | 7.900 |  |

1. **Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: không có tiểu ban**
2. **Hoạt động của Hội đồng quản trị:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Số Nghị quyết** | **Ngày** | **Nội dung** |
| 1 | 01/2013/HĐQT-NQ | 21/03/2013 | Thông qua các nội dung chủ yếu sau:+ Báo cáo tài chính năm 2012 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán (AAC) và Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2012 + Phân phối lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2012.+ Chi trả cổ tức đợt 2 năm 2012 bằng tiền mặt. Tỷ lệ: 6%. Ngày chốt danh sách cổ đông 05/4/2013. Ngày chi trả cổ tức: 18/4/2013.+ Thời gian, nội dung tổ chức Đại hội cổ đông năm 2013. + Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013.+ Chi phí thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2012 và Phương án chi trả thù lao năm 2013+ Lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC kiểm toán báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính năm 2013 |
| 2 | 02/2013/HĐQT-NQ | 03/10/2013 | Thông qua các nội dung chủ yếu sau: + Kết quả sản xuất kinh doanh 8 tháng đầu năm 2013  + Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2013 bằng tiền mặt. - Ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền nhận cổ tức đợt 1 năm 2013: 22/10/2013. - Tỷ lệ thanh toán: 7%/cổ phiếu (01 cổ phiếu nhận được 700 đồng). Thời gian thanh toán: 05/11/2013.+ Đổi tên Phòng Khoa học Công nghệ bản đồ và bổ nhiệm cán bộ của Tổ Công nghệ bản đồ và Phòng Kế hoạch - Kinh doanh:+ Đổi tên Phòng Khoa học Công nghệ bản đồ thành Phòng Khoa học kỹ thuật bản đồ.+ Tổ Công nghệ bản đồ (hiện tại có 3 cán bộ): bổ sung kỹ sư công nghệ thông tin có trình độ, đáp ứng được yêu cầu công việc. Nâng cấp Tổ Công nghệ bản đồ thành Phòng Công nghệ bản đồ. Bổ nhiệm ông Phạm Văn Hải - Tổ trưởng đảm nhiệm chức vụ Trưởng phòng Công nghệ bản đồ.+ Phòng Kế hoạch - Kinh doanh: Bổ nhiệm bà Hoàng Mai Diệp - Cán bộ kinh doanh đảm nhiệm chức vụ Phó phòng Kế hoạch - Kinh doanh để giúp đỡ công việc cho ông Lê Huy - Phó Giám đốc kiêm Trưởng phòng Kế hoạch - Kinh doanh; + Chi phí thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát 6 tháng đấu năm 2013 là 100.200.000 đồng |
| 3 | 03/2013/HĐQT-NQ | 28/11/2013 | Thông qua các nội dung chủ yếu sau:+ Kết quả sản xuất kinh doanh 10 tháng đầu năm 2013.+ Mua mới 01 xe ô tô 07 chỗ gầm cao phục vụ đi công tác các tỉnh |

1. **Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành.**
2. **Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:** không có tiểu ban
3. **Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.**

2.Ban Kiểm soát:

1. **Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ và tên** | **Chức vụ** | **Số CP nắm giữ** | **Ghi chú** |
| 1 | Phạm Văn Hải | Trưởng Ban KS | 4.118 |  |
| 2 | Lương Thị Thanh Xuân | Uỷ viên Ban KS | 0 | T/v độc lập không điều hành |
| 3 | Nguyễn Mạnh Hùng | Uỷ viên Ban KS | 0 | T/v độc lập không điều hành |

**b) Hoạt động của Ban kiểm soát:** Trong năm Ban Kiểm soát tham gia vào hoạt động kiểm tra, kiểm soát mọi mặt hoạt động của công ty.

- Tæ chøc kiÓm kª tiÒn mÆt, tiÒn göi ng©n hµng hµng th¸ng ®Òu cã sù tham gia cña Ban KiÓm so¸t.

 - Tæ chøc kiÓm kª tµi s¶n, vËt t­, tiÒn vèn cã ®Õn thêi ®iÓm 0 giê ngµy 1/1/2014 theo ®óng chÕ ®é tµi chÝnh, thµnh lËp c¸c tæ kiÓm kª vµ Héi ®ång kiÓm kª vµ tham gia xö lý kÕt qu¶ kiÓm kª.

 - Tæ chøc h¹ch to¸n kÕ to¸n chÝnh x¸c, minh b¹ch nh­ ®¸nh gi¸ trung thùc, kh¸ch quan cña C«ng ty KiÓm to¸n AAC.

 - Ban kiÓm so¸t tham gia kiÓm tra ho¹t ®éng cña c«ng ty cïng víi ®oµn kiÓm tra, kiÓm so¸t cña Nhµ xuÊt b¶n Gi¸o dôc ViÖt Nam vµ ®oµn kiÓm to¸n ®éc lËp.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

1. **Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chức vụ** | **ĐVT** | **Mức PC 1 tháng** |
| 1 | Chủ tịch HĐQT | đồng/tháng | 4.000.000 |
| 2 | Phó chủ tịch HĐQT | “ | 3.500.000 |
| 3 | Uỷ viên HĐQT | “ | 2.500.000 |
| 4 | Trưởng ban Kiểm soát | “ | 1.500.000 |
| 5 | Thành viên BKS | “ | 800.000 |

1. **Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Người thực hiện giao dịch** | **Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ** | **Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ** | **Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)** |
| Số cổ phiếu | Tỷ lệ(%) | Số cổ phiếu | Tỷ lệ(%) |
| **I** | **Cổ đông nội bộ** |  |  |  |  |  |
| 1 | Nguyễn Thị Hồng Loan | 4.000 | 0,215 | 4.000 | 0,215 |  |
| 2 | Lê Phú | 6.100 | 0,328 | 6.100 | 0,328 |  |
| 3 | Lê Huy | 26.551 | 1,43 | 46.551 | 2,65 | Mua cổ phiếu |
| 4 | Đặng Thị Như | 7.900 | 0,425 | 7.900 | 0,425 |  |

1. **Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không**
2. **Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:** Hội đồng quản trị công ty thực hiện nghiêm túc các quy định về quản trị công ty.

X.BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. **Ý kiến kiểm toán**

#

### Số: 111/2014/BCKT-AAC Đà Nẵng, ngày 05 tháng 03 năm 2014

# BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các Cổ đông**

**Công ty Cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục**

Chúng tôi đã kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2013, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 08/02/2014 của Công ty Cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 5 đến trang 23.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến độc lập của mình về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu kiểm toán viên tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và Thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Trần Thị Phương Lan |  | Đinh Thị Ngọc Thùy |
| Phó Tổng Giám đốc |  | Kiểm toán viên |
| *Chứng chỉ hành nghề số 0396-2013-010-1* |  | *Chứng chỉ hành nghề số 1463-2013-010-1* |

 |

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên mọi khía cạnh trọng yếu, các Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2013 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2013, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**2. Báo cáo tài chính kiểm toán**

**2.1 Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục công bố báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

**Thông tin khái quát**

Công ty Cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Bản đồ - Tranh ảnh Giáo khoa thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục theo Quyết định số 3286/QĐ-BGDĐT ngày 30/06/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102137109 ngày 02/01/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 3 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 15/06/2011.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 211/QĐ-TTGDHN ngày 25/5/2009 của Giám đốc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán ECI. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 16/6/2009.

*Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:* 18.600.000.000 đồng

*Vốn góp thực tế đến 31/12/2013:* 18.600.000.000 đồng

***Trụ sở chính***

* Địa chỉ: 45 Hàng Chuối, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
* Điện thoại: (84) 04.9711146 - 8213786
* Fax: (84) 04.9711404 – 8213786
* Website: www.bandotranhanh.vn

***Ngành nghề kinh doanh chính***

* Biên soạn, in và phát hành bản đồ, tranh ảnh giáo dục, sách giáo dục, băng đĩa CDROM giáo dục, sách điện tử;
* Sản xuất và kinh doanh thiết bị giáo dục phục vụ việc giảng dạy, học tập cho các ngành học, bậc học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học) và phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội (Trừ loại Nhà nước cấm);
* Kinh doanh các xuất bản phẩm được phép lưu hành (Trừ loại Nhà nước cấm);
* Sản xuất và kinh doanh thiết bị dạy nghề, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm, nguyên liệu, vật tư phục vụ sản xuất thiết bị giáo dục;
* Thiết kế, tạo mẫu, chế bản điện tử các sản phẩm trong lĩnh vực giáo dục (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
* Kinh doanh thiết bị điện tử, tin học phục vụ dạy và học trong nhà trường;
* Kinh doanh nguyên vật liệu, thiết bị ngành in;
* Môi giới thương mại và quảng cáo thương mại.

***Nhân sự***

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 44 người. Trong đó, nhân viên gián tiếp là 8 người.

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập các Báo cáo tài chính này gồm có:

***Hội đồng quản trị***

* Bà Nguyễn Thị Hồng Loan Chủ tịch Bổ nhiệm lại ngày 23/05/2011
* Ông Trần Ngọc Bê Phó Chủ tịch Bổ nhiệm ngày 23/05/2011
* Ông Lê Phú Ủy viên Bổ nhiệm lại ngày 23/05/2011
* Bà Đặng Thị Như Ủy viên Bổ nhiệm lại ngày 23/05/2011
* Ông Phan Trung Phương Ủy viên Bổ nhiệm ngày 23/05/2011

***Ban Kiểm soát***

* Ông Phạm Văn HảiTrưởng banBổ nhiệm lại ngày 28/04/2012
* Ông Nguyễn Mạnh Hùng Ủy viên Bổ nhiệm lại ngày 28/04/2012
* Bà Lương Thị Thanh Xuân Ủy viên Bổ nhiệm ngày 28/04/2012

***Ban Giám đốc và Kế toán trưởng***

* Bà Nguyễn Thị Hồng Loan Giám đốc Bổ nhiệm lại ngày 23/05/2011
* Ông Lê Phú Phó Giám đốc Bổ nhiệm ngày 01/01/2007
* Ông Lê Huy Phó Giám đốc Bổ nhiệm ngày 01/04/2012
* Bà Đặng Thị NhưKế toán trưởngBổ nhiệm ngày 08/02/2010

##### Kiểm toán độc lập

Các Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng ; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: [www.aac.com.vn](http://www.aac.com.vn); Email: aac@dng.vnn.vn).

##### Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập các Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập, trình bày trung thực và hợp lý các Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

* Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
* Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
* Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
* Lập các Báo cáo tài chính trên nguyên tắc hoạt động liên tục.
* Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2013 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

###### Thay mặt Ban Giám đốc

###### Giám đốc

**Nguyễn Thị Hồng Loan**

*Hà Nội, ngày 05 tháng 3 năm 2014*

**2.2 Bảng cân đối kế toán**

######

[ơ



**2.3 Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh**



**2.4 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ:**



**2.5 Thuyết minh báo cáo tài chính**

1. **Đặc điểm hoạt động**

Công ty Cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Bản đồ - Tranh ảnh Giáo khoa thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục theo Quyết định số 3286/QĐ-BGDĐT ngày 30/06/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102137109 ngày 02/01/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 3 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 15/06/2011

***Ngành nghề kinh doanh chính***

* Biên soạn, in và phát hành bản đồ, tranh ảnh giáo dục, sách giáo dục, băng đĩa CDROM giáo dục, sách điện tử;
* Sản xuất và kinh doanh thiết bị giáo dục phục vụ việc giảng dạy, học tập cho các ngành học, bậc học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học) và phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội (Trừ loại Nhà nước cấm);
* Kinh doanh các xuất bản phẩm được phép lưu hành (Trừ loại Nhà nước cấm);
* Sản xuất và kinh doanh thiết bị dạy nghề, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm, nguyên liệu, vật tư phục vụ sản xuất thiết bị giáo dục;
* Thiết kế, tạo mẫu, chế bản điện tử các sản phẩm trong lĩnh vực giáo dục (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
* Kinh doanh thiết bị điện tử, tin học phục vụ dạy và học trong nhà trường;
* Kinh doanh nguyên vật liệu, thiết bị ngành in;
* Môi giới thương mại và quảng cáo thương mại.
1. **Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

1. **Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Nhật ký chung.

1. **Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**
	1. ***Tiền và các khoản tương đương tiền***

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

* 1. ***Các khoản phải thu***

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

* 1. ***Hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

* 1. ***Tài sản cố định hữu hình***

***Nguyên giá***

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

***Khấu hao***

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính. Công ty thực hiện trích khấu hao nhanh gấp hai lần đối với tất cả tài sản là thiết bị dụng cụ quản lý.

|  |  |
| --- | --- |
| Loại tài sản | Thời gian khấu hao (năm) |
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 6 |
| Phương tiện vận tải | 6 |
| Thiết bị dụng cụ quản lý | 1,5 |

* 1. ***Chi phí trả trước dài hạn***

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

* 1. ***Các khoản phải trả và chi phí trích trước***

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

* 1. ***Chi phí đi vay***

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong kỳ.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

* 1. ***Phân phối lợi nhuận thuần***

Lợi nhuận thuần sau thuế được trích lập các quỹ và chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông.

* 1. ***Ghi nhận doanh thu***
* Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
* Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
* Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
* Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
* Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
* Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.
	1. ***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

* 1. ***Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng***
* Thuế giá trị gia tăng:
* Đối với hoạt động bán nẹp treo bản đồ: Áp dụng thuế suất 10%;
* Đối với hoạt động bán sách tranh và thiết bị giáo dục: Áp dụng mức thuế suất 5%;
* Đối với hoạt động bán bản đồ, atlat, tranh ảnh giáo dục, đĩa CD-Rom phục vụ cho giáo dục: Thuộc đối tượng không chịu thuế.
* Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% đối với hoạt động xuất bản sách tham khảo, tranh ảnh, bản đồ; các hoạt động khác áp dụng mức thuế suất theo qui định hiện hành.

Cơ sở áp dụng thuế suất 10%: Thông tư số 123/2012/TT-BTC ngày 27/07/2012 của Bộ Tài chính, Luật Xuất bản, và Công văn số 1895/CV-NXBGDVN ngày 08/12/2012 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam gởi Vụ chính sách thuế Bộ Tài chính và Công văn trả lời số 6833/BTC-CST ngày 29/05/2013 của Vụ chính sách thuế- Bộ Tài chính.

* Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.
	1. ***Công cụ tài chính***

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gởi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và tài sản tài chính khác.

*Nợ phải trả tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

* 1. ***Các bên liên quan***

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

1. **Điều chỉnh hồi tố**

****

Công ty đã điều chỉnh lại chi phí thuế TNDN năm 2012 do điều chỉnh mức thuế suất thuế TNDN đối với thu nhập từ hoạt động xuất bản (từ mức thuế suất 25% về mức thuế suất 10%) theo quy định tại Thông tư số 123/2012/TT-BTC ngày 27/07/2012 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và Công văn số 6833/BTC-CS ngày 29/05/2013 của Bộ Tài chính. Ảnh hưởng của việc điều chỉnh hồi tố này làm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2012 giảm 465.034.689 đồng. Theo đó khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” tăng 465.034.689 đồng và các khoản mục thuế giảm tương ứng.

1. **Tiền và khoản tương đương tiền**



1. **Các khoản phải thu khác**

****

1. **Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

****

1. **Hàng tồn kho**

****

1. **Tài sản ngắn hạn khác**

****

1. **Tài sản cố định hữu hình**

****

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2013: 1.245.859.051 đồng.

Nguyên giá TSCĐ không cần sử dụng, cuối năm chờ thanh lý tại ngày 31/12/2013: 381.926.472 đồng.

Không có tài sản cố định mang cầm cố thế chấp tại ngày 31/12/2013

1. **Chi phí trả trước dài hạn**

****

1. **Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**



Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

1. **Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

****

1. **Vốn chủ sở hữu**
	1. **Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

****

* 1. **Cổ phiếu**

****

* 1. **Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối**

****

* 1. **Cổ tức**

- Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 của Công ty vào ngày 23/04/2013 đã quyết định chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2012 bằng tiền với tỷ lệ 13% vốn điều lệ, tương ứng 2.288.000.000 đồng. Theo đó, việc thanh toán cổ tức chia làm hai đợt.

+ Đợt 1: Tạm ứng 7% vốn điều lệ, ngày chốt danh sách cổ đông 14/11/2012

+ Đợt 2: 6% vốn điều lệ, ngày chốt danh sách cổ đông 05/04/2013

- Ngày 22/10/2013 Công ty đã chốt danh sách cổ đông để tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2013 với tỷ lệ cổ tức 7%. Thời gian chi trả cổ tức vào ngày 5/11/2013.

1. **Doanh thu**

****

1. **Giá vốn hàng bán**

****

1. **Doanh thu hoạt động tài chính**

****

1. **Thu nhập khác**

****

1. **Chi phí khác**

****

1. **Chi phí thuế TNDN hiện hành và lợi nhuận sau thuế trong năm**

****

1. **Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

****

1. **Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

****

1. **Công cụ tài chinh**
	1. **Quản lý rủi ro vốn**

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

* 1. **Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường về giá hàng hóa, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

***Quản lý rủi ro thị trường*:** Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn giá.

*Quản lý rủi ro về giá*

Chi phí in ấn chiếm phần lớn trong giá vốn thành phẩm nên Công ty chịu rủi ro về giá phí in ấn. Công ty quản lý rủi ro này thông qua việc tìm kiếm nhà cung cấp với phí dịch vụ thấp nhất, tập trung số lượng in lớn trên bản in và ký hợp đồng nguyên tắc từ đầu năm để giảm chi phí.

***Quản lý rủi ro tín dụng***

Khách hàng chủ yếu của Công ty là các công ty sách, các trường học, các Sở, phòng giáo dục đào tạo, các đơn vị thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Đây là các khách hàng truyền thống, phát sinh giao dịch thường xuyên, thanh toán công nợ kịp thời nên Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với những khách hàng trên.

***Quản lý rủi ro thanh khoản***

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhàn rỗi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,…

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:





Tổng hợp các tài sản tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

****

****

Ban Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh toán và tin tưởng rằng công ty có thể tạo rađủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

1. **Báo cáo bộ phận**

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh tranh ảnh bản đồ, thiết bị trường học và một bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

1. **Các bên liên quan**
	1. **Thông tin các bên liên quan**

****

* 1. **Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm**

****

* 1. **Số dư các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Công ty liên quan** | **Nội dung** | **31/12/2013****VNĐ** | **31/12/2012****VNĐ** |
| **Nợ phải thu** |  |  |  |
| Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản GD Việt Nam | Phải thu khách hàng | - | - |
| Công ty CP Sách giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh | Phải thu khách hàng | 279.180.960 | 571.972.731 |
| Công ty CP Học liệu | Phải thu khách hàng | 100.056.915 | 145.898.155 |
| Chi nhánh NXBGD tại TP. Cần Thơ | Phải thu khách hàng | 400.000.000 | 491.700.272 |
| Công ty CP Sách và TBGD Miền Trung | Phải thu khách hàng | 282.916.177 | 50.223.068 |
| **Nợ phải trả** |  |  |  |
| Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản GD Việt Nam | Phải trả tiền hàng | 64.152.900 | 93.728.900 |
| Công ty CP Sách và TBTH TP. Hồ Chí Minh | Phải trả tiền hàng | 578.212.288 | 1.065.678.462 |
| Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội | Phải trả tiền hàng | 85.996.650 | 139.215.000 |
| Nhà xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng | Phải trả tiền hàng | 20.000.000 | 37.595.500 |
| Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông | Phải trả tiền hàng | 155.781.012 | 189.104.952 |

1. **Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

1. **Số liệu so sánh**

Là số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 đã được kiểm toán bởi AAC.

*Hà Nội, ngày 14 tháng 3 năm 2014*

 **TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

 **CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Hồng Loan**

 234.313.580 72.280.000

1.022.224.000 192.450.000

5.920.331.151 5.264.804.648

3.705.748.154 3.150.023.213

 985.911.500 551.484.000

3.447.512.448 4.526.977.376

3.746.475.968 3.722.656.896

 485.023.540 3.042.127.228

 402.338.000 232.900.100

4.949.251.680 1.493.930.560